

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 57 / Công Ty CP Acecook Việt Nam/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM**

Địa chỉ: LÔ SỐ II-3, ĐƯỜNG SỐ 11, NHÓM CN II, KHU CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH,
PHƯỜNG TÂY THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT
NAM.

Điện thoại: 02838154064 Fax: 02838154067

Email: info@acecookvietnam.com

Mã số doanh nghiệp: 0308808687

Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy của Acecook đã có giấy chứng nhận HACCP

STT	Số giấy CN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ nhà máy sản xuất
1.	VN19/00250	15.10.2019	SQS Việt Nam	Địa chỉ: Lô số II-3, đường số 11, nhóm CN II, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Kí hiệu nhà máy sản xuất: SG.

Mô tả sơ: BN/PH/12/09.22

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **NHỒ MẮT MẮT BƯỞNG VỊ BÚ TIỂU NAM VANG**

2. Thành phần:

Vật liệu nền: Gạo, tinh bột khoai tây, chất làm dày (1404), muối, chất nhũ hóa (400, 322(i)).

Các gói gia vị: Dầu cò, muối, chất điều vị (621, 640, 631, 627, 951), protein đậu nành, đường, tỏi 11,77 g/kg, mỡ heo 10,47 g/kg, protein thủy sản hương vị tôm, cà rốt sấy, các gia vị (hành, ớt, tiêu, tỏi), tinh bột khoai mì, chiết xuất nấm men, bột tôm, hạt sấy, hành lá sấy, bột mực, hương liệu tổng hợp (hương tôm), phẩm màu (caroten nhân 1 tổng hợp, curcumin tự nhiên), chất chống đông vón (551).

Số tiêu chuẩn: **H04-22**

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

Đúng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng được in dưới đây rõ.

Quy cách in ngày sản xuất và hạn sử dụng:

NSX: ngày tháng năm, ký hiệu nhà máy sản xuất và thông tin khác tùy từng nhà máy.

HSD: ngày tháng năm

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh 1 gói (g/hộp): **71 g +/- 4,5 g**

Số lượng tối thiểu carton: **12 gói/thùng.**

Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đựng trong tờ giấy cấu trúc PE/giấy PE (polyethylen), các túi nắp tờ giấy cooke/MPET/LLDPE, cấu trúc lớp trong của nắp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm PE (polyethylen). Sau đó các tờ thành phẩm được đóng vào thùng carton.

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Sợi đựng ghi nhãn phù hợp theo nghị định 43/2013/NĐ-CP và 111/2021/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

Nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

1. Giới hạn kim loại nặng: phù hợp QCVN 8-2/2011/BYT. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	QCVN 8-2/2011/BYT
1	Cadmium (Cd)	mg/kg	0,4	Mục 2.19
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2	Mục 2.18

Mô tả sơ: BN/PH/12/09.22

2. Giới hạn độc tố vi nấm: phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-1:2011/BYT
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2,0	Mức 1.6
2	Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	4,0	Mức 1.8
3	Ochratoxin A	µg/kg	5,0	Mức 2.2

3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: phù hợp QĐ 46/2007/QĐ-BYT; Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, mục 6.5.1 (có xử lý nhiệt trước khi sử dụng)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	cfu/g	10^5
2	Coliforms	cfu/g	10^5
3	E.coli	mpn/g	10^2
4	S.aureus	cfu/g	10^3
5	Cl. Perfringens	cfu/g	10^3
6	B. cereus	cfu/g	10^2
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/g	10^3

4. Chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Độ ẩm vật hú tiệt	%	14,0

5. Dao động thành phần dinh dưỡng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị trên	Khung dao động +/- 20%
1	Giá trị năng lượng (*)	kcal/71 g	280	224 - 336
2	Hàm lượng chất béo	g/71 g	7,0	5,6 - 8,4
3	Hàm lượng carbohydrate	g/71 g	49,3	39,4 - 59,2
4	Hàm lượng chất đạm	g/71 g	4,9	3,9 - 5,9

(*) Giá trị năng lượng = hàm lượng chất béo * 9 + hàm lượng carbohydrate * 4 + hàm lượng chất đạm * 4

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2022

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

CH. KAMI Marketing
General Manager, Marketing Div.

Mô số sê: BHHB12/09.22



KANEDA HIROKI
CH. KAMI Marketing
General Manager, Marketing Div.

BHHB12/09.22



KANEDA HIROKI
GD. Khối Marketing
General Manager, Marketing Div

BNHNB12/09.22